

THÔNG TƯ

**Quy định thẩm quyền, nội dung
thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về tố cáo**

Căn cứ Luật Thanh tra số 56/2010/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Tố cáo số 03/2011/QH12 ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra;

Căn cứ Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tố cáo;

Căn cứ Nghị định số 83/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra Chính phủ;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Cục trưởng Cục chống tham nhũng;

Tổng Thanh tra Chính phủ ban hành Thông tư quy định về thẩm quyền, nội dung thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về tố cáo.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về thẩm quyền, nội dung thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về tố cáo đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

2. Trình tự, thủ tục tiến hành thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về tố cáo áp dụng theo quy định tại Luật Thanh tra và Mục 1, Chương III của Nghị định số 86/2011/NĐ - CP ngày 22 tháng 9 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra và các quy định khác của pháp luật về thanh tra.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thủ trưởng cơ quan hành chính nhà nước, Thủ trưởng cơ quan thanh tra nhà nước, Trưởng đoàn thanh tra và thành viên đoàn thanh tra khi thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về tố cáo.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân trong các cơ quan hành chính nhà nước có trách nhiệm thực hiện pháp luật về tố cáo.

3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan hành chính nhà nước

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thủ trưởng cơ quan hành chính nhà nước có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về tố cáo; giải quyết khó khăn, vướng mắc, xử lý kịp thời kiến nghị của cơ quan thanh tra, Đoàn thanh tra; kết luận thanh tra và chỉ đạo, tổ chức thực hiện kết luận thanh tra theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Trách nhiệm của đối tượng thanh tra và cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân là đối tượng thanh tra có trách nhiệm báo cáo, giải trình, cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung thanh tra; thực hiện yêu cầu, kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra của người có thẩm quyền.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến nội dung thanh tra có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu theo yêu cầu của người có thẩm quyền tiến hành thanh tra.

Chương II

THẨM QUYỀN THANH TRA TRÁCH NHIỆM

Điều 5. Thẩm quyền của Thanh tra Chính phủ

1. Thanh tra Chính phủ thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về tố cáo đối với bộ, cơ quan ngang bộ (gọi chung là bộ), cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, cơ quan, tổ chức, đơn vị khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập.

2. Trong quá trình tiến hành thanh tra, đối với các đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này, Đoàn thanh tra của Thanh tra Chính phủ có quyền xem xét, đánh giá việc thực hiện pháp luật về tố cáo đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân thuộc quyền quản lý của bộ, của cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, cơ quan, tổ chức, đơn vị khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập; thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về tố cáo đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra.

Điều 6. Thẩm quyền của Thanh tra bộ, cơ quan ngang bộ

1. Thanh tra bộ, cơ quan ngang bộ (sau đây gọi chung là Thanh tra bộ) thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về tố cáo đối với cơ quan, tổ chức, đơn

vị, cá nhân thuộc quyền quản lý trực tiếp của bộ, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, cơ quan, tổ chức, đơn vị khác do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ quyết định thành lập.

2. Trong quá trình tiến hành thanh tra đối với các đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này, Đoàn thanh tra của Thanh tra bộ có quyền xem xét, đánh giá việc thực hiện pháp luật về tố cáo đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân thuộc quyền quản lý của đơn vị thuộc bộ, trực thuộc bộ, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, đơn vị khác do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ quyết định thành lập; thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về tố cáo đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra.

Điều 7. Thẩm quyền của Thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Thanh tra tỉnh) thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về tố cáo đối với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau đây gọi chung là sở), Ủy ban nhân dân huyện, quận, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện), đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, cơ quan, tổ chức, đơn vị khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập.

2. Trong quá trình tiến hành thanh tra đối với các đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này, Đoàn thanh tra của Thanh tra tỉnh có quyền xem xét, đánh giá việc thực hiện pháp luật về tố cáo đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân thuộc quyền quản lý của sở, của Ủy ban nhân dân cấp huyện, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, cơ quan, tổ chức, đơn vị khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập; thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về tố cáo đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra.

Điều 8. Thẩm quyền của Thanh tra sở

1. Thanh tra sở thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về tố cáo đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân thuộc quyền quản lý trực tiếp của sở.

2. Trong quá trình tiến hành thanh tra đối với các đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này, Đoàn thanh tra của Thanh tra sở có quyền xem xét, đánh giá việc thực hiện pháp luật về tố cáo đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân thuộc quyền quản lý của đơn vị thuộc sở, trực thuộc sở; thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về tố cáo đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra.

Điều 9. Thẩm quyền của Thanh tra huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh

1. Thanh tra huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Thanh tra huyện) thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về tố cáo đối với

phòng, ban chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã), đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập.

2. Trong quá trình tiến hành thanh tra đối với các đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này, Đoàn thanh tra của Thanh tra huyện có quyền xem xét, đánh giá việc thực hiện pháp luật về tố cáo đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân thuộc quyền quản lý của phòng, ban chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập; thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về tố cáo đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra.

Chương III

NỘI DUNG THANH TRA TRÁCH NHIỆM

Mục 1

NỘI DUNG THANH TRA TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ TIẾP CÔNG DÂN, GIẢI QUYẾT TỐ CÁO, BẢO VỆ NGƯỜI TỐ CÁO

Điều 10. Thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về tiếp công dân

1. Việc tổ chức tiếp công dân: địa điểm, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho việc tiếp công dân, nội quy, quy chế, lịch tiếp công dân.
2. Việc thực hiện tiếp công dân thường xuyên, định kỳ, đột xuất của cán bộ tiếp công dân, của Thủ trưởng cơ quan hành chính nhà nước.
3. Việc thực hiện quy trình tiếp công dân.

Điều 11. Thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về tiếp nhận, xử lý thông tin tố cáo

1. Việc tiếp nhận, ghi chép, phân loại tố cáo.
2. Việc thụ lý hoặc không thụ lý giải quyết đối với tố cáo thuộc thẩm quyền.
3. Số vụ việc thuộc thẩm quyền được tiếp nhận; số vụ việc đang thụ lý để giải quyết; số vụ việc chưa thụ lý giải quyết.
4. Việc chuyển đơn tố cáo và các tài liệu khác có liên quan (nếu có) cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong trường hợp đơn tố cáo không thuộc thẩm quyền.
5. Việc thông báo thụ lý giải quyết đơn tố cáo.
6. Việc áp dụng các biện pháp cần thiết theo thẩm quyền hoặc thông báo đến cơ quan có trách nhiệm để ngăn chặn kịp thời hành vi gây thiệt hại hoặc đe

dọa gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, của tập thể, tính mạng, tài sản của công dân trong quá trình tiếp nhận, xử lý thông tin tố cáo.

Điều 12. Thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về thời hạn giải quyết tố cáo

1. Số vụ việc được giải quyết đúng thời hạn.
2. Số vụ việc giải quyết chậm so với thời hạn quy định; nguyên nhân và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.
3. Số vụ việc phức tạp, tồn đọng, kéo dài; nguyên nhân và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.
4. Số vụ việc thuộc thẩm quyền nhưng không giải quyết; nguyên nhân và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 13. Thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về xác định thẩm quyền giải quyết tố cáo, xác minh nội dung tố cáo, kết luận nội dung tố cáo, xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo

1. Việc xác định thẩm quyền giải quyết tố cáo.
2. Việc xác minh nội dung tố cáo: Căn cứ tiến hành xác minh; nội dung xác minh; thủ tục tiến hành xác minh; thời gian tiến hành xác minh.
3. Việc ban hành kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo: Hình thức, nội dung, thời gian ban hành kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo; việc gửi kết luận nội dung tố cáo cho người bị tố cáo, cho người tố cáo (nếu có yêu cầu), cho cơ quan thanh tra nhà nước và cơ quan cấp trên trực tiếp.
4. Kết quả giải quyết: Số vụ việc đã có kết luận nội dung tố cáo; số vụ việc tố cáo đúng; số vụ việc tố cáo đúng một phần; số vụ việc tố cáo sai; số vụ việc công dân tố cáo tiếp.
5. Việc tổ chức thực hiện kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo.

Điều 14. Thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về công khai kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo

1. Về hình thức công khai: Công bố tại cuộc họp nơi người bị tố cáo công tác; niêm yết tại trụ sở làm việc hoặc nơi tiếp công dân của cơ quan, tổ chức đã giải quyết tố cáo, đã ban hành quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo; thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.
2. Về nội dung công khai, đối tượng được công khai.
3. Về thời gian công khai, số lần thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 15. Thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về xử lý vụ việc tố cáo đông người, phức tạp, tồn đọng, kéo dài

1. Số vụ việc, nội dung vụ việc; số vụ việc đã được giải quyết, chưa giải quyết; nguyên nhân, hậu quả, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Trong trường hợp cần thiết, Đoàn thanh tra tiến hành kiểm tra, rà soát một số vụ việc điển hình để kết luận, kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về phương hướng, giải pháp xử lý.

Điều 16. Thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về phối hợp xử lý trường hợp nhiều người cùng tố cáo về một nội dung

1. Việc tiếp và nghe đại diện của những người tố cáo trình bày nội dung vụ việc; việc giải thích, hướng dẫn công dân thực hiện quyền tố cáo theo quy định của pháp luật.

2. Việc yêu cầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan phối hợp trong tiếp nhiều người cùng tố cáo về một nội dung.

3. Việc phối hợp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan trong xử lý trường hợp nhiều người cùng tố cáo.

Điều 17. Thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ người tố cáo, người thân thích của người tố cáo

1. Việc xác định phạm vi, đối tượng, thời hạn, hình thức bảo vệ đã áp dụng đối với người tố cáo và người thân thích của người tố cáo.

2. Việc tổ chức thực hiện và kết quả áp dụng các biện pháp bảo vệ đối với người tố cáo và người thân thích của người tố cáo

3. Những nội dung khác có liên quan.

Mục 2

NỘI DUNG THANH TRA TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT TỐ CÁO VÀ XỬ LÝ VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ TỐ CÁO

Điều 18. Thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành pháp luật về tố cáo theo thẩm quyền

1. Việc ban hành, số lượng văn bản đã ban hành; tính hợp pháp, hợp lý, khả thi, kịp thời của các văn bản hướng dẫn thi hành pháp luật về tố cáo.

2. Việc tổ chức thực hiện và kết quả thực hiện các văn bản hướng dẫn thi hành pháp luật về tố cáo.

Điều 19. Thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tố cáo

1. Việc xây dựng chương trình, kế hoạch; nội dung, hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tố cáo.

2. Việc quán triệt, tập huấn các quy định của pháp luật về tố cáo cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý.

3. Việc tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về tố cáo cho công dân, tổ chức.

4. Chất lượng, hiệu quả của việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tố cáo.

Điều 20. Thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về thanh tra trách nhiệm

1. Việc xây dựng và ban hành kế hoạch thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về tố cáo đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân thuộc quyền quản lý.

2. Việc tổ chức thực hiện kế hoạch thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về tố cáo đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân thuộc quyền quản lý.

3. Chất lượng, hiệu quả của hoạt động thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về tố cáo đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân thuộc quyền quản lý.

Điều 21. Thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về chế độ thông tin, báo cáo, quản lý và lưu trữ hồ sơ giải quyết vụ việc tố cáo

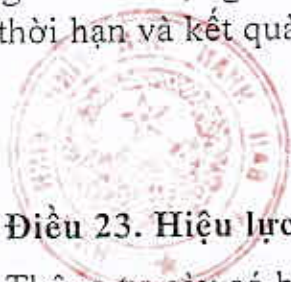
1. Việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất về công tác giải quyết tố cáo: Hình thức, nội dung, chất lượng, số lượng, thời gian báo cáo và các nội dung khác.

2. Việc quản lý, khai thác, sử dụng và lưu trữ hồ sơ giải quyết vụ việc tố cáo.

Điều 22. Thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Việc thực hiện các quy định pháp luật để xác định tiêu chuẩn, đối tượng, hình thức, thủ tục khen thưởng đối với người có thành tích xuất sắc trong việc tố cáo, giải quyết tố cáo.

2. Việc xử lý vi phạm quy định pháp luật về tố cáo đối với người bị tố cáo, người tố cáo, người giải quyết tố cáo: Trình tự, thủ tục, thẩm quyền, hình thức, thời hạn và kết quả xử lý.



Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2013.

Điều 24. Tổ chức thực hiện

Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp và cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có các vấn đề mới phát sinh, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân kịp thời phản ánh về Thanh tra Chính phủ để được hướng dẫn hoặc sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận: Lưu

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Tổng Thanh tra, các Phó Tổng Thanh tra Chính phủ;
- Thanh tra bộ, cơ quan ngang bộ;
- Thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công TTĐT của Chính phủ; Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản, Bộ Tư pháp;
- TTCP: Các cục, vụ, đơn vị; Công TTĐT;
- Lưu: Văn thư; Vụ Pháp chế (5b), Cục IV(5b).

TỔNG THANH TRA



Huỳnh Phong Tranh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

SAO Y BẢN CHÍNH

Số: 1220/SY-UBND

Bình Định, ngày 08 tháng 8 năm 2013

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban (có tổ chức thanh tra ngành);
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo VP, K18, PTD;
- Lưu: VT (50b).

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ VĂN PHÒNG**

Nguyễn Thái Bình